

Số: 757 /TTr-UBND

Gia Lai, ngày 28 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Về cơ sở pháp lý:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 263/2025/NĐ-CP).

Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP).

Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP).

Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 268/2025/NĐ-CP).

Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN). Tại khoản 3 Điều 2 quy định trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này*”.

Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN). Tại khoản 3 Điều 3 quy định trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này*”.

Tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN, Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN là đúng thẩm quyền, cần thiết và phù hợp quy định pháp luật hiện hành trên địa bàn tỉnh.

2. Về cơ sở chính trị

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; trong đó xác định “*Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản*”.

trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”; “Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”; “Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển”.

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; trong đó xác định “Đến năm 2030, đầu tư cho khoa học, công nghệ đạt 1,5%-2% GDP, trong đó tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 1%-2% GDP”.

Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026.

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, tạo cơ chế tài chính đồng bộ để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

3. Về cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, nội dung và mức chi lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của 02 tỉnh Bình Định và Gia Lai trước sáp nhập được thực hiện theo các văn bản: Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định¹; Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai²; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai³.

Ngày 09/12/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND về quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai (Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND). Trong đó, quy định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt danh mục trước ngày 01/07/2025 thì tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai. Các nhiệm vụ được phê duyệt sau ngày 01/07/2025 thì áp dụng theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND nêu trên.

Các Nghị quyết trên đã tạo hành lang pháp lý quan trọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời đảm bảo chế độ chi tiêu tài chính đúng theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, đến nay một số căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung như: Luật Tổ chức chính

¹ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

² Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

³ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các nghị định, thông tư hướng dẫn triển khai Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Để đảm bảo tính nhất quán, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định về nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai để thay thế Nghị quyết 29/2025/NQ-HĐND là cần thiết, tạo ra hành lang pháp lý thống nhất, phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, phù hợp với bối cảnh phát triển của tỉnh Gia Lai mới sau tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện các quy định của Trung ương trên địa bàn tỉnh; đảm bảo cho các cơ quan quản lý, địa phương và các tổ chức, cá nhân có căn cứ xây dựng nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tiễn hiện nay.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.
- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.
- Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, cơ quan trong quá trình xây dựng Nghị quyết.
- Góp phần đảm bảo tính ổn định và liên tục trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Nội dung Nghị quyết đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, công khai, minh bạch; kế thừa các quy định còn phù hợp và đồng thời cập nhật, điều chỉnh các nội dung và mức chi đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với điều kiện ngân sách của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Quá trình soạn thảo, lấy ý kiến của các sở, ngành và địa phương

Về chủ trương trình hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được Thường trực HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 26/NQ-TTHĐND ngày 18/3/2026.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN; Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, và địa phương (tại Công văn số 1302/SKHCN-KH&ĐMST ngày 15/4/2026);

Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Nghị quyết, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số 414/BC-STP ngày 14/5/2026 của Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, có ý kiến giải trình, đồng thời thực hiện việc chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu đầy đủ các ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Các nội dung và mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCHN quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCHN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Nguyên tắc áp dụng

Mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Nghị quyết này không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCHN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCHN.

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Bộ cục: Dự thảo Nghị quyết gồm 07 điều.

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Điều 2: Nguyên tắc áp dụng mức chi

- Điều 3: Nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sử dụng ngân sách nhà nước giao Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh quản lý)

- Điều 4: Nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sử dụng ngân sách nhà nước do các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý)

- Điều 5: Nội dung và mức chi cho hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai

- Điều 6: Điều khoản chuyển tiếp

- Điều 7: Điều khoản thi hành

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai quy định tại Nghị quyết này là định mức và mức chi được quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCHN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCHN.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH

1. Dự kiến nguồn lực: Cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo) để đảm bảo việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua.

2. Điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết: Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

3. Thời gian trình thông qua văn bản: Tại kỳ họp thứ 3 (chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

(Kính gửi kèm theo hồ sơ: Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế - Ngân sách HĐND).

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 677/TTr-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh.

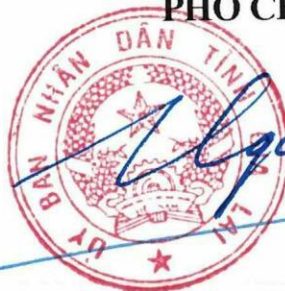
Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở: KH&CN; Tài chính, Tư pháp;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, V3.

Đầu

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 677/TTr-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-KTNS ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Các nội dung và mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng mức chi

1. Mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học,

công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Nghị quyết này không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sử dụng ngân sách nhà nước giao Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh quản lý)

1. Nội dung, mức chi quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
I	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
1	Chi họp Hội đồng	Hội đồng (HĐ)	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.440
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Người/HĐ	1.200

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	240
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	240
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	160
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	560
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện	Phiếu	800
3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
3.1	Chủ tịch Hội đồng	Phiếu	560
3.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	400
II	Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Người/nhiệm vụ	800
2	Thành viên tổ thẩm định	Người/nhiệm vụ	560
3	Thư ký hành chính	Người/nhiệm vụ	240
4	Đại biểu được mời tham dự	Người/nhiệm vụ	160
III	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
1	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.200
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/HĐ	800
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	240
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	240
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	160
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	400
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện	Phiếu	560
IV	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.440

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/HĐ	1.200
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	240
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	240
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	160
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Phiếu	560
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện	Phiếu	800
V	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
1	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Công	
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
1.3	Thư ký khoa học	Công	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1.4	Thư ký hành chính	Công	
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Phiếu	800
VI	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia tổ chuyên gia;	Người/nhiệm vụ	1.200
VII	Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hội đồng	150% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 3 của Nghị quyết này
VIII	Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt	Hội đồng	200% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 3 của Nghị quyết này
IX	Chi thù lao của các Hội đồng khác		80% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 3 của Nghị quyết này
X	Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	công nghệ; Kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.		
1	Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá	Người/ngày	Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai
2	Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ	Nhiệm vụ	50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I và mục VI Điều 3 của Nghị quyết này
3	Chi tiền thù lao cho tổ chuyên gia tư vấn lựa chọn đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của tổ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo		100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I và mục VI Điều 3 của Nghị quyết này
XI	Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	ng nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	1.600
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	560
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo/buổi	4.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học	Báo cáo	2.400
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	240
XII	Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	pháp luật		
1	Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin	Cuộc	Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai
2	Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá	Công	Thông tư số 04/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
3	Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch	Lượt	Thông tư số 35/2026/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước, Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai

2. Nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Định mức thù lao chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ	Triệu đồng/người/tháng	56
II	Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ	50% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 3 của Nghị quyết này
III	Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ	4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 400 triệu đồng/nhiệm vụ

Điều 4. Nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sử dụng ngân sách nhà nước do các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý)

1. Nội dung, mức chi quản lý chương trình, nhiệm vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
----	--------------------	-------------	---------

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
I	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
1	Chi họp Hội đồng	Hội đồng (HĐ)	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.080
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Người/HĐ	900
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	180
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	180
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	120
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	420
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng,	Phiếu	600

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	chuyên gia phản biện		
3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
3.1	Chủ tịch Hội đồng	Phiếu	420
3.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	300
II	Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Người/nhiệm vụ	600
2	Thành viên tổ thẩm định	Người/nhiệm vụ	420
3	Thư ký hành chính	Người/nhiệm vụ	180
4	Đại biểu được mời tham dự	Người/nhiệm vụ	120
III	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
1	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	900

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/HĐ	600
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	180
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	180
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	120
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	Phiếu	300
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện	Phiếu	420
IV	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/HĐ	1.080
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/HĐ	900
1.3	Thư ký khoa học	Người/HĐ	180
1.4	Thư ký hành chính	Người/HĐ	180
1.5	Đại biểu được mời tham dự	Người/HĐ	120

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
2.1	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Phiếu	420
2.2	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện	Phiếu	600
V	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
1	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
1.1	Chủ tịch Hội đồng	Công	
1.2	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
1.3	Thư ký khoa học	Công	
1.4	Thư ký hành chính	Công	
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	Phiếu	600
VI	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia tổ chuyên gia;	Người/nhiệm vụ	900
VII	Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hội đồng	150% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 4 của Nghị quyết này
VIII	Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt	Hội đồng	200% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 4 của Nghị quyết này
IX	Chi thù lao của các Hội đồng khác		80% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 4 của Nghị quyết này
X	Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá	Người/ngày	Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai
2	Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ	Nhiệm vụ	50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I và mục VI Điều 4 của Nghị quyết này
3	Chi tiền thù lao cho tổ chuyên gia tư vấn lựa chọn đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của tổ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo		100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I và mục VI Điều 4 của Nghị quyết này
XI	Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	1.200
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	420
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo/buổi	3.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học	Báo cáo	1.800
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Người/buổi	180
XII	Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của UBND xã, phường được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	pháp luật		
1	Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin	Cuộc	Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai
2	Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá	Công	Thông tư số 04/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
3	Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch	Lượt	Thông tư số 35/2026/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước, Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai

2. Nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
1	Định mức thù lao chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ	Triệu đồng/người/tháng	42
II	Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ	50% của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục I Điều 4 của Nghị quyết này
III	Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nhiệm vụ	3% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ

Điều 5. Nội dung và mức chi cho hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, giao UBND tỉnh quyết định mức chi cụ thể theo quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm không vượt quá mức chi quy định tại Mục 4 Chương II Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 6 năm 2026.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung